

Bản án số: 38/2018/HSST
Ngày 6- 11- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông Lê Minh Quan
 - + Ông Nguyễn Văn Hà
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Danh Thị Ngọc Lệ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Quốc Q (tên gọi khác: **S**) - Sinh năm: 1982 tại Bà Rịa- Vũng Tàu; Nơi cư trú: ấp G, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Vĩnh P- sinh năm: 1956 và bà Lê Thị K- sinh năm: 1958;

Vợ: Trần Thị C - Sinh năm 1983 và có 03 con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2013;

Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 4 anh chị em.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 7-8-2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn P (tên gọi khác: **U**) - Sinh năm: 1997 tại Bà Rịa- Vũng Tàu; Nơi cư trú: ấp G, xã P, huyện M, tỉnh BR-VT; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T- sinh năm: 1972 và bà Lê Thị S- sinh năm 1979;

Bị cáo chưa có vợ con; Bị cáo là con thứ út trong gia đình có 4 anh chị em.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29-7-2018 đến 7-8-2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 7-8-2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Tấn Đ (tên gọi khác: **B**)- Sinh năm: 1996 tại Bà Rịa- Vũng Tàu; Nơi cư trú: ấp C, xã D, huyện Đ, tỉnh BR-VT; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hữu V- sinh năm: 1974 và bà Nguyễn Thị Mỹ L- sinh năm 1971;

Bị cáo chưa có vợ con; Bị cáo là con thứ út trong gia đình có 2 anh em.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29-7-2018 đến 7-8-2018, hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 7-8-2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn T2- sinh năm: 1994;

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh BR-VT (**Có** mặt);

+ Ông Lê Văn T1- sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh BR-VT (**Vắng** mặt);

+ Ông Lê Hữu V- sinh năm: 1974;

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT (**Có** mặt)

- Người làm chứng: Anh Trịnh Tiến S- sinh năm: 1990;

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh BR-VT (**Vắng** mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Bùi Quốc Q, Lê Văn P, Lê Tấn Đ có mối quan hệ là bạn bè với nhau và đều bị nghiện ma túy. Vào khoảng 22 giờ ngày 28 tháng 7 năm 2018, Q gọi điện thoại cho Đ và P đến nhà mình để cùng góp tiền nhau mua ma túy về tàng trữ sử dụng dần. Khi Đ, P đến nhà thì Q đưa cho Đ 1.350.000đồng và P góp thêm 100.000đồng nữa. Sau đó, Đ dùng xe máy biển số 72G1-50917 chở P đi mua ma túy. Trên đường đi, cả hai ghé vào đổ xăng hết 30.000đồng, số tiền còn lại 1.420.000đồng Đ đưa cho P để P gọi điện liên hệ với người bán ma túy. Khi đến điểm hẹn (vòng xoay thuộc khu vực chợ L) P đưa cho người đàn ông không rõ lai lịch số tiền là 1.420.000đồng và người đàn ông giao cho P 01 gói ma túy. Trên đường quay về nhà Q, Lê Tấn Đ và Lê Văn P đến tại Quốc Lộ 55 thuộc khu phố P thì bị lực lượng công an bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: 01 gói nilong màu trắng được hàn kín bên trong có chất kết tinh không màu trong suốt; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen,

Model 520, Imel: 352394062636387; 01 điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu vàng, Imel: 351932064947616; xe máy hiệu Yamaha loại Jupiter, màu đỏ đen biển số 72G1-50917, số khung 1340HY032151, Số máy E3S1E065154 và số tiền 900.000đồng (Chín trăm ngàn đồng).

Theo bản kết luận giám định số 233/GĐMT – PC54 (Đ4) ngày 03-8-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu kết luận: Mẫu chất kết tinh không màu trong suốt chứa trong 01 gói nilong thu giữ của Lê Tấn Đ và Lê Văn P có khối lượng 0,8611 gam, là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát huyện Đ truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung cáo trạng đồng thời thống nhất về điều luật và tội danh đã truy tố, không có ý kiến gì khác.

Tại phần tranh luận:

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày luận tội:

+ Giữ nguyên quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 15 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo Bùi Quốc Q, Lê Văn P, Lê Tấn Đ về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Q từ 14 tháng đến 17 tháng tù; Xử phạt bị cáo P từ 13 tháng đến 16 tháng tù; xử phạt bị cáo Đ từ 12 đến 15 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không có yêu cầu.

+ Về vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu vàng, Imel: 351932064947616; Hoàn trả cho ông T2 xe máy hiệu Yamaha loại Jupiter, màu đỏ đen biển số 72G1-50917, số khung 1340HY032151, Số máy E3S1E065154; Hoàn trả cho bị cáo Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, Model 520, Imel: 352394062636387; Hoàn trả cho ông V số tiền 900.000đồng (Chín trăm ngàn đồng).

- Các bị cáo thống nhất với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và việc đề nghị xử lý vật chứng, không có ý kiến gì khác.

- Lời nói sau cùng: Các bị cáo cùng có ý kiến là nhận thức được hành vi của bản thân là có tội, đồng ý với quyết định truy tố của cáo trạng Viện kiểm sát tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó, xác định được rằng: Vào khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 7 năm 2018, các bị cáo Bùi Quốc Q, Lê Văn P cùng hùn tiền đưa cho Lê Tấn Đ 1.450.000đồng (Một triệu bốn trăm năm chục ngàn đồng) để P và Đ đến Long Điền mua ma túy về tàng trữ nhằm mục đích sử dụng dần. Sau khi mua xong, lúc 01 giờ 45 phút ngày 29-7-2017, khi cả hai đang lưu thông trên quốc lộ 55 thuộc khu phố P, thị trấn Đ thì bị lực lượng Công an bắt quả tang về hành vi đang tàng trữ 01 (một) gói Nilông hàn kín có khối lượng 0,8611 gam.

Căn cứ theo kết luận giám định số 233/GĐMT-PC54 ngày 03 tháng 8 năm 2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xác định: Chất kết tinh không màu- trong suốt chứa trong 01 gói Nilông thu giữ của Lê Tấn Đ và Lê Văn P có khối lượng 0,8611 gam, là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Như vậy, hành vi của các bị cáo như nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Xét về vai trò từng bị cáo thì bị cáo Q là người khởi xướng, rủ rê và bỏ ra phần lớn số tiền để hai bị cáo còn lại đi mua ma túy về tàng trữ sử dụng. Bị cáo P tham gia với vai trò là người thực hành (trực tiếp liên hệ với người bán để mua và tàng trữ trái phép chất ma túy trong người, cùng hùn tiền và đưa phương tiện cho Đ để chở mình đi mua ma túy). Bị cáo Đ cũng tham gia thực hành nhưng với vai trò hạn chế hơn bị cáo P, Đ dù không hùn tiền

nhưng đã tích cực nhận tiền từ Q và chở P đi tìm địa điểm mua ma túy để về cùng được hưởng lợi là có ma túy sử dụng. Do đó, cần áp dụng Điều 58 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

4.2- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo tàng trữ ma túy chỉ nhằm mục đích sử dụng, thỏa mãn nhu cầu bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với 01 gói nilong màu trắng được hàn kín bên trong có chất kết tinh không màu trong suốt còn lại sau giám định. Đây là vật cấm tàng trữ, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, Model 520, Imel: 352394062636387. Đây là tài sản riêng của Đ, không sử dụng vào việc phạm tội nên hoàn trả cho Đ.

- Đối với điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu vàng, Imel: 351932064947616. Đây là tài sản riêng của P nhưng dùng vào việc liên hệ mua ma túy nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với chiếc xe Mô tô hiệu Yamaha loại Jupiter, màu đỏ đen biển số 72G1-50917, số khung 1340HY032151, Số máy E3S1E065154 là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông T1. Khi ông T1 đi nước ngoài đã giao lại cho con trai là Lê Văn T2 quản lý hợp pháp. Ngày 28-7-2018, ông T2 cho bị cáo P mượn nhưng không biết P dùng làm phương tiện mua ma túy nên trả lại cho ông T2 chiếc xe này. Ông T2 có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T1 chiếc xe máy nêu trên khi T1 có yêu cầu.

- Đối với số tiền 900.000đồng, qua xác minh xác định được đây là tiền ông V nhờ bị cáo Đ giữ hộ, không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu là ông Lê Hữu V.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Quốc Q (tên gọi khác: S), Lê Văn P (tên gọi khác: U), Lê Tấn Đ (Tên gọi khác: B) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Quốc Q (tên gọi khác: S) 14 (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt đề thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn P** (tên gọi khác: U) 14 (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt đề thi hành án, được khấu trừ vào số ngày tạm giữ từ 29-07-2018 đến ngày 7-8-2018.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Tấn Đ** (tên gọi khác: B) 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt đề thi hành án, được khấu trừ vào số ngày tạm giữ từ 29-07-2018 đến ngày 7-8-2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đựng trong 01 phong bì niêm phong ghi vụ số 233 ngày 03 tháng 8 năm 2018 do Phòng kỹ thuật hình sự hoàn lại sau giám định; được đóng dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, có chữ ký của Võ Thanh Hoài, Bùi Văn Đ. và sim

- Hoàn trả cho Lê Tấn Đ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, Model 520, Imel: 352394062636387 (Điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung S5 màu vàng, Imel: 351932064947616 (Điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng và bị bể màn hình).

- Tạm thời, giao trả lại cho ông Lê Văn T2 chiếc xe máy hiệu Yamaha loại Jupiter, màu đỏ đen biển số 72G1-50917, số khung 1340HY032151, Số máy E3S1E065154 (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra bên trong máy). Ông T2 có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T1 chiếc xe máy này khi T1 về và có yêu cầu.

- Hoàn trả cho ông Lê Hữu V số tiền 900.000đồng (Chín trăm ngàn đồng).

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 04/BB ngày 16 tháng 10 năm 2018 và biên lai thu tiền số TT/2010/005838 ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

3. Về án phí: Các bị cáo Bùi Quốc Q, Lê Văn P, Lê Tấn Đ mỗi người phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự

vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng Đ họp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

